

Bản án số: 294/2023/HC-PT

Ngày: 25-8-2023

V/v: “*Kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường

ông Đinh Phước Hoà

- *Thư ký phiên tòa:* ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:*** ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 137/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2023 về “*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2023/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Võ Huy T, sinh năm 1966; địa chỉ: A N, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông Đỗ Anh T1; địa chỉ: số nhà F, liên gia 31, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố B;

Trụ sở: 01 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T2 – Phó Chủ tịch UBND thành phố B.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Võ Quang H – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. ông Võ Huy T3, sinh năm 1989.

2. ông Võ Huy T4, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: A N, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện – ông Đỗ Anh T1 trình bày:*

Năm 1986, bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng liên kết sản xuất trồng cà phê với Công ty C, diện tích hơn 5.000 m², thuộc thửa: 1161, lô 1, tại Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 22/11/2004 bà L sang nhượng lại lô cà phê này cho ông Võ Huy T bằng giấy viết tay, bà Bùi Thị L1 đã nộp thuế khoán hợp đồng đất số tiền 500.000đồng và nộp lệ phí sang nhượng 1.000.000đồng “*kèm theo phiếu thu của Nông trường Cà phê Ea Chur Cấp đề ngày 26/11/2004*”, ông Võ Huy T trực tiếp canh tác sử dụng trồng cà phê cùng các loại cây trồng khác và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Công ty C. Năm 2007 ông Võ Huy T ký lại hợp đồng giao khoán đất sản xuất trồng cà phê với Công ty C, thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Trong năm 2005 ông Võ Huy T xây căn nhà cấp 4 “*Đính kèm theo nội dung đơn xác nhận đề ngày 02/12/2021 của Chủ tịch UBND xã H*” và tiếp đến tháng 02 năm 2014 ông Võ Huy T xây thêm nhà ở, vật kiến trúc và trồng cây trên đất.

Ngày 28/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 6834/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H-Đợt 5) (*viết tắt Quyết định số 6834*) đối với thửa đất số: 221, tờ bản đồ số: 17-2, diện tích: 5.289,1 m², diện tích thu hồi là 699,5 m². Địa chỉ thửa đất: thôn A, xã H. Theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình ông Võ Huy T được bồi thường số tiền 21.306.629 đồng.

Cùng ngày 28/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 6870/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B (*viết tắt Quyết định số 6870*) đối với thửa đất số: 28, tờ bản đồ số: 17, diện tích: 5.270,5m², diện tích thu hồi là 4.725,4 m². Địa chỉ thửa đất: thôn A, xã H (vị trí A), thành phố B. Theo Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà

nước thu hồi đất thì hộ gia đình ông Võ Huy T được bồi thường với số tiền 166.559.083đồng.

Theo quy định khi thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Võ Huy T, thì hộ ông T còn được hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất bị thu hồi theo Bảng giá đất do UBND tỉnh Đ quy định; hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 đối với diện tích 5.289,1 m² đất nông nghiệp; hỗ trợ trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc; hỗ trợ thuê nhà ở, di chuyển nhà ở; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và bồi thường, hỗ trợ cây trồng sau khi có Quyết định số: 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 27,800ha đất của Công ty C tại xã H, thành phố B, giao cho thành phố B quản lý (*viết tắt Quyết định số 530*). Vì hộ ông Võ Huy T không biết và chưa nhận được Quyết định số 530. Như vậy, việc UBND thành phố B thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích 5.289,1m² đất của gia đình ông Võ Huy T, mà không thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ông Võ Huy T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 6870 và Hủy một phần Quyết định số 6834. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung phần bồi thường, hỗ trợ thuê nhà ở, di chuyển nhà ở; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất đã bị thu hồi theo Bảng giá đất do UBND tỉnh Đ quy định; hỗ trợ tiền sử dụng đất trước do người sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 đối với diện tích 5.289,1 m² đất nông nghiệp; hỗ trợ trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc và bồi thường, hỗ trợ cây trồng sau khi có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ cho ông Võ Huy T đúng quy định của Luật đất đai năm 2013.

** Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện - ông Lê Đại T2 trình bày:*

1. Đối với đơn khởi kiện của ông Võ Huy T khởi kiện về việc bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 6834 Quyết định số 6870:

- Về nguồn gốc đất: Năm 1990 bà Nguyễn Thị L nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C). Đến ngày 22/11/2004 bà L chuyển nhượng lại lô đất trên cho ông Võ Huy T bằng giấy tờ viết tay không thông qua cơ quan chính quyền địa phương, ông T tiếp tục sử dụng và thực hiện trách nhiệm nộp thuế cho công ty C từ năm 2005. Năm 2007 ông Võ

Huy T ký lại hợp đồng giao nhận khoán đất sản xuất trồng cà phê với Công ty C. Ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,800 ha đất của Công ty C tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1ha đất hiện nay UBND thành phố đang quản lý, ông T sử dụng ổn định cho đến nay.

Về đất: Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý. Các hộ dân sử dụng đất có nguồn gốc hợp đồng giao nhận khoán đất sản xuất trồng cà phê với Nông trường Cà phê V (nay là Công ty C) và lấn chiếm đất của Công ty C thì không được bồi thường về đất theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

Về vật kiến trúc: Đối với tài sản xây dựng sau khi có quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ thì không được bồi thường, hỗ trợ. Căn cứ khoản 2, Điều 92, Luật Đất Đai 2013 quy định: *“Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”*.

Về cây trồng: Đối với các loại cây trồng có trước quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ, trồng đúng mật độ trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được bồi thường 100% đơn giá. Cây trồng xen tính bằng 80% đơn giá của cây trồng cùng chủng loại và vượt mật độ đến 50% được hỗ trợ 60% đơn giá cây trồng cùng loại; số cây vượt mật độ từ trên 50% đến 100% được hỗ trợ 30% đơn giá cây trồng cùng loại; số cây trồng vượt mật độ trên 100% không được bồi thường và theo thời điểm sử dụng đất, cụ thể như sau: Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và mức hỗ trợ được áp dụng theo điểm 5 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư Khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Như vậy việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Võ Huy T khi Nhà nước thu hồi

đất để thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, thành phố B là đúng theo các quy định hiện hành.

- Đối với các loại cây trồng trồng sau Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ thì không bồi thường, hỗ trợ.

Về chính sách hỗ trợ: ông Võ Huy T đang sử dụng thửa đất số 221, tờ bản đồ số 17-2 xã H thuộc đất của Công ty C, đã được UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C tại xã H giao lại cho UBND thành phố B quản lý. Hợp đồng giao khoán sử dụng đất của ông Võ Huy T đã hết hạn nên không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

UBND thành phố B đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ Huy T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2023/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a, b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 66, Điều 69, điểm đ khoản 1 Điều 76, Điều 82 Luật Đất đai 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy T.

Tuyên hủy một phần Quyết định số 6834/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H-Đ) và một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B, đối với hộ ông Võ Huy T.

Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ thuê nhà ở, di chuyển nhà ở; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và đưa tài sản là cây trồng trên đất và nhà tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ vào tính toán, bồi thường cho hộ ông Võ Huy T theo đúng quy định của pháp luật.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy T về việc buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung phần hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; hỗ trợ trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 27/4/2023, người bị kiện UBND thành phố B kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng huỷ một phần nội dung bản án về việc khởi kiện của hộ ông Võ Huy T yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Lý do kháng cáo: năm 2007 ông Võ Huy T ký lại hợp đồng giao nhận khoán đất sản xuất trồng cà phê với Công ty C, thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Năm 2008, Nhà nước có quyết định thu hồi đất nhưng sau đó ông T vẫn tiếp tục sử dụng đất cho đến năm 2021 Nhà nước mới thực tế thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nên không có cơ sở để bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với trường hợp ông Võ Huy T.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**

Người kháng cáo UBND thành phố Buôn Ma T5 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Năm 1986, bà Nguyễn Thị L nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C), diện tích 5.289,1 m². Ngày 22/11/2004 bà L chuyển nhượng lại lô đất trên cho ông Võ Huy T bằng giấy tờ viết tay không có chứng thực, ông T tiếp tục sử dụng đất và thực hiện trách nhiệm nộp thuế cho Công ty C từ năm 2005. Năm 2007, ông Võ Huy T ký lại hợp đồng giao nhận khoán đất sản xuất trồng cà phê với Công ty C. Thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C tại xã H và giao lại cho UBND thành phố B quản lý, trong đó có 5.289,1 m² đất nông nghiệp liên kết của hộ ông Võ Huy T với Công ty C.

[2] Theo bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số 6834/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 thì hộ ông Võ Huy T được xem xét, hỗ trợ bao gồm: vật kiến trúc, cây trồng tạo lập trước ngày ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND. Theo bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 thì hộ

ông Võ Huy T được xem xét, hỗ trợ bao gồm: nhà, vật kiến trúc, cây trồng tạo lập trước ngày ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND.

[3] Về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, theo điểm đ khoản 1 Điều 76, khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: ...Đất nhận khoán để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối...”*.

[4] Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP qui định: *“Chi phí đầu tư vào đất còn lại là các chi phí mà người sử dụng đất đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất nhưng đến thời điểm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất còn chưa thu hồi hết...”*.

[5] Xét hợp đồng giao khoán của ông T có thời hạn hợp đồng đến năm 2010. Năm 2008, Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất nhưng sau đó ông T vẫn tiếp tục canh tác, sử dụng đất cho đến năm 2021 Nhà nước mới thu hồi đất trên thực tế. Ông Võ Huy T cho rằng ông không biết và chưa nhận được Quyết định số 530/QĐ-UBND nhưng ông T phải biết hợp đồng giao khoán có thời hạn hợp đồng đến năm 2010 là chấm dứt. Sau năm 2010, ông T vẫn tiếp tục canh tác, sử dụng đất cho đến năm 2021 Nhà nước mới phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Như vậy, diện tích đất bị thu hồi của ông Võ Huy T không đủ điều kiện được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy T, buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là không đúng.

[6] Do đó, kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B đề nghị không bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với trường hợp của ông Võ Huy T là có căn cứ chấp nhận.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố B;

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 40/2023/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 2 Điều 66, Điều 69, điểm đ khoản 1 Điều 76, Điều 82 Luật Đất đai 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy T.

Tuyên hủy một phần Quyết định số 6834/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H-Đ) và một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B đối với hộ ông Võ Huy T.

Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung phần hỗ trợ thuê nhà ở, di chuyển nhà ở; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và đưa tài sản là cây trồng trên đất và nhà tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ vào tính toán, bồi thường cho hộ ông Võ Huy T theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy T về việc buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; hỗ trợ trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Võ Huy T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Võ Huy T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0021892 ngày 28/9/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

4. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố B không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả Ủy ban nhân dân thành phố B 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2022/0002142 ngày 02/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự

